

Số: 29/2022/QĐST-DS

Sơn Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 6 Điều 19; khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Căn cứ vào biên hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 100/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Hoàng Thị Đ** – Sinh năm: 1948; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Anh C** – Sinh năm: 1974; Địa chỉ: Tổ dân phố C1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Ông **Hoàng Thế A** – Sinh năm: 1984 và bà **Nguyễn Thị T1** – Sinh năm: 1984; Ông Thế A và bà T1 cùng trú tại địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ tranh chấp:

A. Về quyền sử dụng đất:

Bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Thế A, bà Nguyễn Thị T1 thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Hoàng Thế A, bà Nguyễn Thị T1 trả lại cho bà Hoàng Thị Đ toàn bộ diện tích đang đất đang sử dụng là 59m² thuộc một phần thửa đất số 120b, tờ bản

đồ số 11A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 164281 do Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang cấp cho bà Hoàng Thị Đ ngày 08/4/1996. Diện tích đất được giới hạn từ điểm 2-3-4-5-6-16-15-13-14-2 (theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất để giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Hoàng Thị Đ với ông Hoàng Thế A và bà Nguyễn Thị T1 ghi ngày 11/8/2022). Giá trị của diện tích đất được giới hạn từ điểm 2-3-4-5-6-16-15-13-14-2 (theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất để giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Hoàng Thị Đ với ông Hoàng Thế A và bà Nguyễn Thị T1 ghi ngày 11/8/2022) là 200.000.000đ.

B. Về tài sản gắn liền với đất:

- Bà Hoàng Thị Đ được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên diện tích đất được giới hạn từ điểm 2-3-4-5-6-16-15-13-14-2 (theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất để giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Hoàng Thị Đ với ông Hoàng Thế A và bà Nguyễn Thị T1 ghi ngày 11/8/2022) gồm:

+) Nhà cấp 4, xây 02 tầng, tường 110 trát xi măng, quét vôi ve, lợp tôn chống nóng, nền lát gạch hoa.

++) Tầng 1: Diện tích $6\text{m} \times 3\text{m} = 18\text{m}^2$, xây năm 2005.

++) Tầng 2: Diện tích $6,4\text{m} \times 3,1\text{m} = 18,91\text{m}^2$, xây năm 2011.

+) Sân tráng xi măng diện tích $5\text{m} \times 4,5\text{m} = 22,5\text{m}^2$, xây năm 2016

+) Mái tôn kích thước $4,9\text{m} \times 5,9\text{m} = 28,9\text{m}^2$, xây dựng năm 2016

+) Bếp xây gạch, tường 110mm, trát xi măng, không quét vôi ve, lợp phi broximăng, diện tích $9\text{m} \times 3,1\text{m} = 27,1\text{m}^2$, xây dựng năm 2019.

+) Công trình vệ sinh (nằm trong diện tích bếp), xây gạch 110mm, trát xi măng, không quét vôi ve. Diện tích $2,5\text{m} \times 1,6\text{m} = 4\text{m}^2$, xây dựng năm 2019.

+) Tường gạch xi không trát, xây dựng năm 2019.

++) Kích thước: $0,8\text{m} \times 1,75\text{m} = 1,4\text{m}^2$.

++) Kích thước: $1,9\text{m} \times 1,75\text{m} = 3,3\text{m}^2$.

++) Kích thước: $4,6\text{m} \times 1,75\text{m} = 8\text{m}^2$.

Giá trị của toàn bộ tài sản gắn liền trên diện tích đất được giới hạn từ điểm 2-3-4-5-6-16-15-13-14-2 (theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất để giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Hoàng Thị Đ với ông Hoàng Thế A và bà Nguyễn Thị T1 ghi ngày 11/8/2022) là 65.219.600đ.

- Bà Hoàng Thị Đ thanh toán cho ông Hoàng Thế A và bà Nguyễn Thị T1 số tiền **65.219.600đ (Sáu mươi lăm triệu hai trăm mười chín nghìn sáu trăm đồng)** là giá trị tài sản gắn liền với đất.

- Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 24/8/2022, ông Hoàng Thế A và bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất được giới hạn từ điểm 2-3-4-5-6-16-15-13-14-2 (theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất để giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Hoàng Thị Đ với ông Hoàng Thế A và bà Nguyễn Thị T1 ghi ngày 11/8/2022) và toàn bộ tài sản gắn liền trên diện tích đất nói trên cho bà Hoàng Thị Đ.

2.2. Về chi phí tố tụng: Bà Hoàng Thị Đ, ông Hoàng Thế A, bà Nguyễn Thị T1 thống nhất thoả thuận để bà Hoàng Thị Đ chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền là 4.500.000đ (Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản).

2.3. Về án phí:

- Bà Hoàng Thị Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Hoàng Thị Đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.500.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001712 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Hoàng Thế A và bà Nguyễn Thị T1. Ông Hoàng Thế A và bà Nguyễn Thị T1 còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.657.622đ, chia ra ông Hoàng Thế A và bà Nguyễn Thị T1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 822.811đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường